TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **835/**2020/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 19 tháng 6 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **1243/**2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: 29B/3/22B, tổ 21, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến nay, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ngày càng trầm trọng tới mức khó có thể giải quyết. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông bà vẫn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Thu T, sinh ngày 24/01/2006, Phạm Thành Đ, sinh ngày 05/4/2013. Hai bên thống nhất giao cháu Phạm Thị Thu T cho bà H, cháu Phạm Thành Đ cho ông T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Phạm Thị Thu T cho bà Nguyễn Thị H, cháu Phạm Thành Đ cho ông Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu số 0009197 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T, bà H đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Thái